TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2025/DS-ST Ngày 31-7-2025 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thụ

2. Ông Nguyễn Văn Chấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLST-DS ngày 14/3/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 23/7/2025, giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Ông Trần Thế N, sinh năm 1961 và Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nay là thôn N, xã N, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

- *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1963 và Lê Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nay là thôn H, xã N, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, đồng nguyên đơn là ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:*

Giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H không có quan hệ họ hàng hay quen biết gì với nhau. Ngày 19/9/2023 dương lịch qua ông Nguyễn Văn T là người cùng thôn giới thiệu nên ông V, bà H đến gia đình

ông, bà hỏi vay 160.000.000 đồng, mục đích để lo cho con đi nước ngoài. Ông, bà nhất trí cho ông V, bà H vay 160.000.000 đồng. Hai bên có lập "Giấy ký nhận vay tiền" với nội dung ông V, bà H vay của ông, bà số tiền là 160.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 1%/01 tháng. Ông V, bà H ký nhận bên mục người vay tiền. Tại phần ghi chú, hai bên giao hẹn 3 tháng trả lãi một lần và trả dần thêm tiền gốc. Sau khi viết xong "Giấy ký nhận vay tiền" ông, bà giao cho ông V, bà H 160.000.000 đồng tiền mặt. Ông V và bà H đã nhận đủ 160.000.000 đồng. Khi cho ông V, bà H vay tiền có mặt ông Nguyễn Văn T ở đó và ký vào người chứng kiến.

Kể từ thời điểm ông, bà cho ông V, bà H vay tiền đến ngày 10/5/2024 ông V, bà H mới trả được cho ông, bà 10.000.000 đồng tiền vay gốc. Từ đó đến nay ông V và bà H không trả thêm cho ông, bà được số tiền gốc và tiền lãi nào. Ông, bà đã rất nhiều lần gọi điện cũng như đến tận gia đình ông V, bà H để yêu cầu ông, bà trả tiền nhưng ông V, bà H vẫn không trả tiền cho ông, bà.

Nay, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải trả cho ông, bà số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 1%/tháng bằng 1.500.000 đồng/1 tháng kể từ ngày 19/9/2023 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra ông, bà không còn yêu cầu nào khác.

** Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H thống nhất trình bày:* Ngày 19/9/2023 ông, bà có vay của ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L số tiền là 160.000.000 đồng. Hai bên có viết "Giấy ký nhận vay tiền" đề ngày 19/9/2023. Nội dung tại "Giấy ký nhận vay tiền" hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Đến ngày 10/5/2024 ông, bà đã trả cho ông N, bà L được 10.000.000 đồng tiền vay gốc. Từ đó đến nay ông, bà không trả cho ông N, bà L được thêm số tiền nào. Ông, bà xác nhận còn nợ ông N, bà L số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng.

Nay, ông N và bà L khởi kiện yêu cầu ông, bà trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và 26.000.000 đồng tiền lãi, ông, bà nhất trí trả ông N, bà L 150.000.000 đồng tiền gốc tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông, bà xin được trả dần số tiền nợ gốc. Đối với 26.000.000 đồng tiền lãi ông, bà đề nghị ông N, bà L miễn tiền lãi cho ông, bà. Trường hợp ông N, bà L không đồng ý miễn tiền lãi cho ông bà thì khi nào có ông, bà sẽ trả dần cho ông N, bà L số tiền lãi này. Ngoài ra ông V, bà H không trình bày gì thêm.

- Ngày 19 tháng 6 năm 2025, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V, bà H vắng

mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Ngày 23 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử vụ án, ông N, bà L có đơn xin vắng mặt; ông V, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay ông N, bà L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông V, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L buộc ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải trả cho ông N, bà L tổng số tiền là 183.600.000 đồng theo "Giấy ký nhận vay tiền" ngày 19/9/2023 trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 33.600.000 đồng.

Án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu 4.590.000 đồng. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Duy V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H vắng mặt lần hai không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh

nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 19/9/2023 ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L cho ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H vay số tiền là 160.000.000 đồng, khi vay có lập "Giấy ký nhận vay tiền", thời hạn vay là 01 năm, lãi suất là 1/%/tháng. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng thì thấy:

Căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn xuất trình và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 19/9/2023 dương lịch ông N, bà L cho ông V, bà H vay số tiền 160.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết "Giấy ký nhận vay tiền" đề ngày 19/9/2023 và cùng ký nhận. Kể từ khi vay tiền đến nay ông V, bà H đã trả cho ông N, bà L được 10.000.000 đồng tiền gốc. Nay ông N, bà L yêu cầu ông V, bà H phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Ông V, bà H thừa nhận vay ông N, bà L số tiền là 160.000.000 đồng đến ngày 10/5/2024 đã trả cho ông N, bà L được 10.000.000 đồng. Nay ông N, bà L khởi kiện yêu cầu ông bà trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc ông, bà đồng ý trả tiền vay gốc. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông bà xin được trả dần tiền vay gốc.

Xét thấy, giao dịch vay tiền giữa ông N, bà L và ông V, bà H là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên; giao dịch, thỏa thuận mà các bên đã thực hiện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Ông V, bà H đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng theo "Giấy ký nhận vay tiền" ngày 19/9/2023 là có căn cứ.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L về việc buộc ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải trả tiền lãi suất là 1%/tháng bằng 1.500.000 đồng/tháng kể từ ngày 19/9/2023 thì thấy:

Theo "Giấy ký nhận vay tiền" ngày 19/9/2023 thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì "Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay". Việc các bên thỏa thuận tiền lãi là 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy yêu cầu khởi kiện của ông N, bà L về tiền lãi là 1%/tháng, bằng 1.500.000 đồng/tháng là có căn cứ cần được chấp nhận. Cụ thể từ ngày 19/9/2023 đến ngày 31/7/2025 là: 150.000.000 đồng x 1.500.000 đồng/1 tháng x 22 tháng 12 ngày = 33.600.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L được chấp nhận nên ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 183.600.000 đồng x 5% = 9.180.000 đồng. Do ông Nguyễn Duy V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị H phải chịu án phí là 9.180.000 đồng : 2 = 4.590.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo:Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L buộc ông Nguyễn Duy V và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thế N và bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 183.600.000đ (*Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) trong đó 150.000.000 đồng tiền vay gốc và 33.600.000 đồng tiền lãi.

2. *Về án phí:* Bà Lê Thị H phải chịu 4.590.000đ (*Bốn triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễm toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Duy V.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án

(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nhẫn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Thụ - Đỗ Thị Hoài Mơ	**Lương Thị Nhẫn**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Thụ - Đỗ Thị Hoài Mơ	**Lương Thị Nhẫn**